

Tổng của hai số đó là: $99+11=110$

Đáp án: 110

Câu 47. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Hiệu của số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có hai chữ số là

Câu 48. Cho biểu thức $A=251-213+50$.

Giá trị của biểu thức $A+44:2$ là bao nhiêu?

Trả lời:

Câu 49. Bạn hãy chọn đáp án đúng để điền vào ô trống.

$125+12\times 8$ $152-63+28$

A. > B. = C. <

Câu 50. Bạn hãy chọn đáp án đúng để điền vào ô trống.

$88:4\times 6$ 135

A. > B. = C. <

Câu 51. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Giá trị nào dưới đây là giá trị của biểu thức $42\times 6\times 2$?

A. 502 B. 505 C. 503 D. 504

Câu 52. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho hai biểu thức sau:

$A=80:5:4$

$B=18-13$

Nhận xét nào dưới đây đúng?

A. $A=B$ B. $A<B$ C. $A>B$

Câu 53. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Giá trị của biểu thức $170-20+90$ là

Câu 54. Bạn hãy kéo các đáp án thích hợp vào ô trống.

Giá trị của biểu thức 26×7 là	↔	182.
Giá trị của biểu thức $86 : 2$ là	↔	43.
Giá trị của biểu thức $28 \times 7 : 4$ là	↔	49.

Câu 55. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

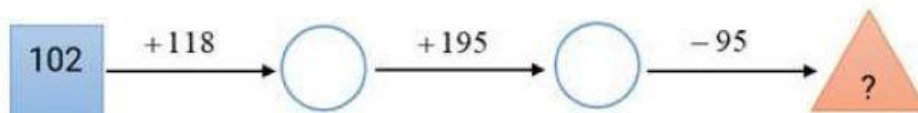
Lúc đầu trong hồ có 17 con vịt. Sau đó có 4 con vịt lên bờ kiếm ăn rồi lại có 5 con vịt khác xuống hồ. Hỏi lúc đó trong hồ có bao nhiêu con vịt?



- A. 17 con B. 20 con C. 18 con D. 19 con

Câu 56. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho hình sau:



Số thích hợp để điền vào hình tam giác là

Câu 57. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 20kg gạo, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 5kg và ít hơn ngày thứ ba 10kg. Khi đó, số ki-lô-gam gạo của hàng bán được trong ba ngày làkg.

Câu 58. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho biểu thức $A = 124 \times 3 - 531 : 3$. Giá trị của biểu thức A là:

- A. 127 B. 431 C. 195 D. 232

Câu 59. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Một cửa hàng có 50kg đường, ngày thứ nhất cửa hàng bán được 15kg, ngày thứ hai bán được 8kg. Hỏi sau hai ngày, cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam đường?

- A. 30kg B. 23kg C. 25kg D. 27kg

Câu 60. An có 15 viên bi, số viên bi của An gấp 3 lần số viên bi của Hùng. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. Số viên bi của Hùng là 45 viên bi
- B. Tổng số viên bi của An và Hùng là 20 viên bi
- C. Hùng có nhiều hơn An 10 viên bi

Câu 61. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Một cửa hàng có hai loại vải hoa và vải trắng. Biết số vải hoa gấp 2 lần số vải trắng. Cửa hàng đã bán được 19m vải hoa và 11m vải trắng. Số mét vải hoa còn lại là 11m. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải trắng?

- A. 8m
- B. 4m
- C. 30m
- D. 15m

Câu 62. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

An có 12 nhãn vở, số nhãn vở của Hùng gấp 3 lần số nhãn vở của An, Minh có ít hơn Hùng 8 nhãn vở. Hỏi cả ba bạn An, Minh, Hùng có tất cả bao nhiêu chiếc nhãn vở?

- A. 24 nhãn vở
- B. 36 nhãn vở
- C. 76 nhãn vở

Câu 63. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Giá trị của biểu thức $72 - 48$ là

Câu 64. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Nam có 15 viên bi, nếu Nam cho Hùng 5 viên bi thì số viên bi còn lại của Nam bằng một nửa viên bi của Hùng lúc ban đầu. Hỏi tổng số viên bi của Nam và Hùng là bao nhiêu viên?

- A. 30 viên bi
- B. 15 viên bi
- C. 35 viên bi
- D. 20 viên bi

Câu 65. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Hai kệ sách có tổng cộng 130 quyển sách, kệ thứ nhất có 70 quyển sách. Hỏi kệ thứ hai có bao nhiêu quyển sách?

- A. 60 quyển
- B. 75 quyển
- C. 80 quyển
- D. 70 quyển

Câu 66. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Ngày khai trương, một quán nước bán được 120 cốc sinh tố và 250 cốc trà sữa. Quán nước đó bán được cốc.

Câu 67. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Có 2 thùng đựng sữa, ban đầu thùng thứ nhất đựng 35 lít sữa, sau đó người ta lấy ra ở thùng thứ nhất 8 lít sữa. Khi đó số lít sữa có trong thùng thứ nhất bằng một nửa số lít sữa có trong thùng thứ hai. Hỏi trong thùng thứ hai có bao nhiêu lít sữa?

- A. 84 lít
- B. 27 lít
- C. 70 lít
- D. 54 lít

Câu 68. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Tính giá trị của biểu thức: $B = 541 - (543 - 360) : 3 - 2 \times 35$.

A. 680

B. 470

C. 410

D. 510

Câu 69. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Kết quả của biểu thức nào sau đây là đúng?

A. $9:9 \times 2 = 3$

B. $25 \times 4 : 1 = 100$

D. $15 \times 4 : 15 = 5$

Câu 70. Trong bình xăng của một ô tô đang có 45 lít xăng. Đi từ nhà đến bãi biển, ô tô cần dùng hết 12 lít xăng. Đi từ bãi biển về quê, ô tô cần dùng hết 6 lít xăng. Nếu đi theo lộ trình trên thì khi về đến quê trong bình xăng của ô tô còn lại bao nhiêu lít xăng?



A. 26 lít

B. 27 lít

C. 25 lít

D. 28 lít

Câu 71. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Bạn Lan nghĩ ra một số. Biết rằng số đó là giá trị của biểu thức $28 \times 2 - 19$. Hỏi số bạn Lan nghĩ là số nào?

A. 37

B. 47

C. 27

Câu 72. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho biểu thức $15 - 3 \times 2$.

Số trong bông hoa nào dưới đây là giá trị của biểu thức trên?



A.



B.

Câu 73. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho biểu thức $26 - 4 \times 5$.

Số trong bông hoa nào dưới đây là giá trị của biểu thức trên?



A.



B.

Câu 74. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Bạn Hòa thực hiện phép tính như sau:

$$100 - 8 \times 5 = 92 \times 5 = 460$$

Hỏi bạn Hòa thực hiện đúng hay sai?

A. Sai

b. Đúng

Câu 75. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho bảng sau:

Biểu thức	$207 - 93 : 3$
Giá trị của biểu thức	...

Số điền vào dấu ba chấm là:

A. 176

B. 38

C. 112

Câu 76. Chọn đáp án đúng.

Trong biểu thức có phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nào trước?

A. Phép nhân, chia

B. Phép cộng, trừ

C. Phép trừ, chia

D. Phép nhân, cộng

Câu 77. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Bạn Kiên nói: "Giá trị của biểu thức $6 + 14 : 2$ là 13"

Bạn Kiên nói đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

Câu 78. Bạn hãy sắp xếp các biểu thức dưới đây theo thứ tự giá trị tăng dần từ trên xuống dưới.

$$3 \times 4 + 15$$

$$16 \times 4 - 20$$

$$120 - 32 \times 3$$

Câu 79. Bạn hãy sắp xếp các biểu thức dưới đây theo thứ tự giá trị giảm dần từ trên xuống dưới.

$$16 \times 4 + 40$$

$$138 + 23 - 49$$

$$18 : 3 + 120$$

Câu 80. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho biểu thức: $32 - 8 \times 3$

Giá trị của biểu thức đã cho là

Câu 82. Bạn hãy chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.

$16 \dots\dots\dots 4 - 2 = 2$

A. - B. + C. - D. :

Câu 83. Bạn hãy kéo đáp án thích hợp vào ô trống.

$$20 \times 4 + 8 =$$



$$289 - 84 : 4 =$$



Danh sách đáp án

278

268

88

78

Câu 84. Bạn hãy chọn đáp án đúng để điền vào ô trống.

Cho a là giá trị của biểu thức $18 \times 2 + 56$.

Khi đó, a $55 + 45 - 10$

A. > B. < C. =

Câu 85. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho biểu thức $A = 25 - 15 : 5$.

Giá trị của A là

Câu 86. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị lớn hơn 50?

A. $6 \times 5 : 3$

B. $125 - 85 + 30$

C. $15 + 40 : 8$

D. $24 : 4 \times 5$

Câu 88. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Mỗi bao thóc cân nặng 15kg, mỗi bao ngô cân nặng 25kg. Hỏi 3 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?



Trả lời:kg.

Câu 89. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Mỗi bao thóc cân nặng 18kg, mỗi bao ngô cân nặng 20kg. Hỏi 4 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?



Trả lời:kg.

Câu 90. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho các biểu thức:

$$A = 73 - 13 \times 2$$

$$B = 100 : 5 \times 2$$

Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào đúng?

A. $A < B$

B. $A > B$

C. $A = B$

Câu 91. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Giá trị của biểu thức $98 : 2 + 124$ là:

A. 171

B. 173

C. 170

D. 172

Câu 92. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho biểu thức $8 : 2 + 6$.

Trong biểu thức trên, phép tính được thực hiện trước là:

A. $8 : 2$

B. $2 + 6$

Câu 93. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Bạn An gấp số 15 lên 3 lần, rồi bớt đi 5 đơn vị, khi đó số bạn An nhận được là